

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua sắm máy in chuyên dụng kỹ thuật cao in bằng khen cấp nhà nước của Ban Thi đua – Khen thưởng trung ương
- Tên Dự toán mua sắm: Máy in chuyên dụng kỹ thuật cao in bằng khen cấp nhà nước của Ban Thi đua – Khen thưởng trung ương
- Địa điểm thực hiện : Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương
- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày.

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung**

- Toàn bộ các hàng hóa phải mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, chính hãng;
- Thời gian bảo hành:
  - + Tối thiểu 12 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tính từ thời điểm nghiệm thu bàn giao sản phẩm đối với phần điện;
  - + Đối với vật tư tiêu hao(Không bao gồm mực): 100.000 bản in hoặc trong vòng 6 tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
- Yêu cầu về vận chuyển, lắp đặt, cài đặt: hàng hóa phải được vận chuyển đến kho của Chủ đầu tư và phải được lắp đặt, cài đặt và hướng dẫn vận hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư
- Dịch vụ sau bán hàng: Cho đổi trả và cung cấp hàng thay thế (mới 100%) trong trường hợp khi sử dụng phát hiện hàng bị lỗi (không đúng về quy cách thông số kỹ thuật, quy cách bao gói hoặc kết quả thử nghiệm không đạt các thông số công bố của nhà sản xuất và theo yêu cầu của HSMT...)
- Cam kết Sửa chữa/ Khắc phục trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A đối với các lỗi cơ bản và tối thiểu 03 ngày đối với các lỗi thay thế linh kiện.
- Cam kết đảm bảo có linh phụ kiện để thay thế trong vòng 5 năm cho sản phẩm tham gia chào thầu của nhà sản xuất/phân phối
- Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) đối với các thiết bị là hàng hóa nhập, giấy xuất xưởng đối với hàng hóa trong nước

### 1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Đối với yêu cầu kỹ thuật dưới đây là yêu cầu tối thiểu, nhà thầu có thể chào cao hơn hoặc tương đương nếu chào tương đương/cao hơn đề nghị nhà thầu giải thích đối với nội dung này. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
		Máy in màu chuyên dụng kỹ thuật cao	
1	Thân máy Chính		
1.1		Loại máy	In màu laser A3
		Tốc độ in liên tục:	≥ 130 bản/phút
		Công suất in trung bình hàng tháng	≥ 1,2 triệu bản A4
		Công suất in tối đa hàng tháng	≥ 2,4 triệu bản
		Sai số in chùng 2 mặt trước sau	≤ 0.5mm
		Độ phân giải in	≥ 2,400 dpi x 2,400 dpi
		Các loại giấy hỗ trợ	Giấy Mỏng, Giấy thường, Giấy trơn, Giấy tái chế, Giấy màu; Giấy dày, Giấy tráng phủ, Giấy dập nổi, Giấy vellum, Giấy bond, Giấy trong OHP, Màng trong suốt, Giấy/màng bán trong suốt, Giấy nhãn, Giấy đục lỗ, Giấy tổng hợp
		Khổ giấy hỗ trợ	SRA3S, A3S, A4L, A4S, B4S, B5L, B5S, 13"×19"S, 12"×18"S, 11"×17"S, LGLS, LTRL, LTRS, EXECL, 8KS, 16KL, 16KS, Custom (182.0×182.0mm-330.2×487.7mm)
		Định lượng giấy	60 đến 500gsm
		Khay chứa giấy	≥ 5.000 tờ (Bao gồm: Khay tiêu chuẩn 1.000 tờ, Khay trên/Khay giữa: 1.000 tờ, Khay dưới: 2.000 tờ)
		Bộ nhớ	≥ 6 Gb
		Ổ cứng	≥ SSD 1TB

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
		Kết nối tiêu chuẩn	1000Base-T/100Base-TX/10Base-T
2	Bộ hoàn thiện bản in		
		Khay trên	A4/A4R/A5R/A3/SRA3/13”x19” 1,000 tờ (60-326 gsm) / 200 tờ (326-400 gsm) / 30mm (401-500 gsm)
		Khay dưới	A4 4,000 tờ (60-80 gsm) / 3,000 tờ (80.1-300 gsm), A4R 2,000 tờ (60-300 gsm), A3 1,500 tờ (60-300 gsm), SRA3 1,000 tờ (60-300 gsm),
		Định lượng giấy	52 đến 350 gsm
		Vị trí đóng ghim	Góc, Giữa đôi
		Công suất dập ghim	≥ 100 tờ A4, ≥ 50 tờ A3/A4R
3	Hệ thống quản lý màu sắc		
		Độ phân giải (dpi)	1200 x 1200 dpi; 600 x 600 dpi
		Ngôn ngữ in	PS3(Document Printing Mode)/PCL, IPDS, (Transaction Printing Mode)
		Bộ nhớ	≥ 16GB
		Ổ cứng	≥ 500GB + 1TB
		Bộ xử lý	≥ Intel Core i7-8700
		Phông chữ	≥ 139 loại 1 phông cho ngôn ngữ Roman; Cho phép người dùng nhập phông PS;
		Hệ điều hành	Windows 8.1 (32/64bit) and 10, Server 2012 R2, 2016, 2019, MacOS 10.15 (64 bit), MacOS 11, MacOS 12

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
		Giao diện kết nối	Ethernet 10/100/1000BaseT x 2 USB3.0x8
		Giao thức mạng	TCP/IP, IPv6 Support, IPSec, NetBEUI/SMB (hotfolders), secure IPP, SNMP V3, Job MIB, HTTP, HTTPS, Socket printing
		In trực tiếp	PDF, JDF
		In dữ liệu biến đổi	PDF/VT-1, PPML

## **Mục 2. Bản vẽ: Không có**

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra thông số kỹ thuật hàng hóa so với các yêu cầu của HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Hàng hóa có xuất xứ, có giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng của cơ quan có thẩm quyền cấp; có catalogue hàng hoá, bản dịch, hướng dẫn bằng tiếng Việt (nếu là hàng hóa nhập khẩu). Nhãn hàng hóa thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ, Hàng hóa bàn giao phải có phiếu kiểm nghiệm, kiểm tra xuất kho đạt yêu cầu cho phép sử dụng, Hàng hóa không bị vỡ nát, nứt, sứt mẻ.

- Toàn bộ hàng hóa phải được thử nghiệm (nếu cần), kiểm tra để chứng tỏ rằng hàng hóa thoả mãn toàn bộ các yêu cầu của điều kiện kỹ thuật này. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các hàng hóa, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức thử nghiệm cần thiết khác để tiến hành thử nghiệm hàng hóa bằng chi phí của mình, kể cả chi phí thay thế mới các sản phẩm bị hư hỏng. Các chi phí này cần đưa vào ngay đề xuất tài chính của nhà thầu khi chào hàng. Nếu trong E-HSDT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các mặt hàng có liên quan.

- Toàn bộ các thử nghiệm phải tiến hành với sự có mặt của đại diện chủ đầu tư và bên chào thầu.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu.

